TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG** Số: 27/2022/HNGĐ - ST Ngày 15 tháng 6 năm 2022 V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chi; Bà Nguyễn Thị Vượng

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 06 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 46/2022/TLST - HNGĐ ngày 23/02/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐST-DS ngày 31/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lương Văn Th, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐL, xã TM, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Dương Thị Ph, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn TP, xã TM, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 16/02/2022, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn Lương Văn Th trình bày: Anh và chị Dương Thị Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TM, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang ngày 21/11/2019 và có tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng nhau, cuộc sống hòa thuận được vài tháng sau đó nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do có những bất đồng trong tính cách, lối sống, vợ chồng không đồng thuận, không bảo ban được nhau trong sinh hoạt gia đình cũng như công việc. Tháng 2 năm 2021, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn lớn, chị Ph đã chửi bới anh và mẹ anh dẫn đến anh không chấp nhận được chị Ph, sau đó chị Ph đã đưa con về nhà ngoại. Từ đó tới nay, vợ chồng sống ly thân, anh không gặp, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Ph ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lương Thị Thùy A, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2021, hiện khỏe mạnh và sinh sống cùng mẹ. Do con còn nhỏ nên anh nhất trí để chị Ph trực tiếp nuôi con. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị Ph yêu cầu anh đóng góp theo mức 5.250.000 đồng/tháng, anh không nhất trí vì hiện nay anh làm công nhân, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Anh nhận có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo mức 2.500.000 đồng/01 tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: anh và chị Ph không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Dương Thị Ph tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo trình bày: Chị và anh Lương Văn Th đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp, có đăng ký kết hôn như anh Th trình bày. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, vợ chồng chung sống được khoảng 7 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do mẹ chồng và chị có mâu thuẫn bất đồng, chồng chị không quan tâm, chăm sóc khi chị thai sản, sinh con. Sau khi sinh con được 28 ngày tuổi thì mẹ chồng và chồng chị đã đuổi chị ra khỏi nhà. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị nhất trí ly hôn với anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung như anh Th trình bày, cháu hiện khỏe mạnh và đang sống cùng chị. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị một mình nuôi con, anh Th và gia đình anh Th không một lần hỏi thăm con, không quan tâm, chăm sóc đối với con. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con và yêu cầu anh Th phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay số tiền chị phải chi phí nuôi con là 10.500.000 đồng/01 tháng, do đó yêu cầu anh Th phải đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con bằng 50% mức chi phí, cụ thể là 5.250.000 đồng/01 tháng, anh Th phải trợ cấp theo tỷ lệ trượt giá của đồng tiền trong vòng 5 năm, thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con từ ngày có quyết định ly hôn của Tòa án cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chị không đồng ý mức cấp dưỡng anh Th nhận đóng góp 2.500.000 đồng. Hiện nay chị làm công nhân tại công ty Sam sung Thái Nguyên, mức lương hàng tháng khoảng 7 triệu đến 8 triệu đồng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện thôn Đông Lý, xã Tân Mỹ cung cấp: Anh Lương Văn Th và chị Dương Thị Ph được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa Ph năm 2019. Quá trình chung sống ban đầu anh Th, chị Ph hòa thuận, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể là gì thì địa Ph không nắm được, chỉ biết từ khoảng đầu năm 2021 chị Ph và anh Th sống ly thân, chị Ph về nhà mẹ đẻ tại thôn TP, xã TM và không chung sống cùng anh Th nữa. Anh Th và chị Ph có một con chung là cháu Lương Thị Thùy A, sinh năm 2021, hiện đang ở cùng mẹ. Mức chi phí nuôi dưỡng trung bình đối với 01 cháu bé sinh năm 2021 tại địa Ph hiện nay khoảng 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Th yêu cầu giải quyết ly hôn, đồng ý giao con cho chị Ph nuôi. Anh Th khai hiện nay mức thu nhập trung bình của anh tính cả làm tăng ca, thêm giờ được khoảng 10 triệu đồng/tháng, tuy nhiên anh hiện còn phải trả nợ Ngân hàng, phải nuôi mẹ trên 60 tuổi và bị bệnh, phải nuôi cháu nhỏ con của chị gái là trẻ mồ côi và nhà nước đã giao cho anh trách nhiệm giám hộ cháu, do đó mức chi phí cấp dưỡng chị Ph đưa ra anh không thể đảm đương nổi, anh không nhất trí. Anh đồng ý đóng góp mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm bản sao kiểm chứng tài khoản, sao kê chi tiết giao dịch do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang cung cấp cho anh để chứng minh thu nhập hàng tháng hiện nay. Ngoài ra, anh Th cung cấp 01 quyết định trợ cấp xã hội; 01 trích lục đăng ký giám hộ của anh Th đối với cháu Lương Thị Mỹ H; bảng sao kê tài khoản , chứng từ giao dịch; Hợp đồng tín dụng của bà Nguyễn Thị Tám là mẹ anh Th.

Bị đơn chị Dương Thị Ph có mặt nhất trí ly hôn, yêu cầu giao con chung cho chị nuôi và yêu cầu anh Th đóng góp cấp dưỡng nuôi con theo mức 5.250.000 đồng chị đã nêu.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đề nghị căn cứ điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 227; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 55, 81,82,83, 110, 116,117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Th và chị Ph. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con Lương Thị Thùy A, sinh ngày 09/01/2021 cho chị Ph nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, xét điều kiện thực tế buộc anh Th đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Lương Thị Thùy Anh theo mức từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng, thời gian đóng góp tính từ tháng 7 năm 2022 đến khi cháu Thùy A đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản không đặt ra xem xét. Về án phí, anh Th phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện.

[2].Về thẩm quyền giải quyết: Đây là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung", bị đơn cư trú tại thành phố Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã chấp hành đúng pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có mặt, HĐXX căn cứ điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho thấy anh Lương Văn Th và chị Dương Thị Ph tự nguyện tìm hiểu, kết hôn tại UBND xã TM, thành phố BG ngày 21/11/2019, HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị Ph là hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Xét lời khai của anh Th và chị Ph, kết quả xác minh tại địa Ph cho thấy, sau khi kết hôn vợ chồng anh Th chị Ph về chung sống với nhau được một thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn, từ tháng 2 năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân. Từ đó đến nay, cả hai không qua lại, không quan tâm, chăm sóc nhau, không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Th và chị Ph là do bất đồng trong tính cách, lối sống, do anh Th không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ khi chị Ph có thai và khi chị sinh con. Ngoài ra, còn có nguyên nhân mâu thuẫn gay gắt giữa con dâu và mẹ chồng không thể hòa giải. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Th và chị Ph đều xác định không hòa giải được, không mong muốn đoàn tụ và đồng thuận đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa anh Th và chị Ph đã gay gắt, kéo dài, không thể hòa giải, căn cứ quy định tại điều 51, 55 của Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Th và chị Ph.

Về con chung: Anh Th và chị Ph có một con chung là Lương Thị Thùy A, sinh ngày 09/01/2021, cháu hiện khỏe mạnh và đang sống cùng chị Ph, nay anh Th và chị Ph thống nhất sau khi ly hôn, tiếp tục để chị Ph nuôi con chung. HĐXX xét thấy cháu A hiện còn nhỏ, sự thỏa thuận trên là tự nguyện, không trái pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận của anh Th và chị Ph về việc giao chị Ph được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lương Thị Thùy A, sinh ngày 09/01/2021.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ph yêu cầu anh Th đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 5.250.000 đồng/tháng, thời gian đóng góp từ khi Tòa án xử cho ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Th không đồng ý mức cấp dưỡng trên, mà chỉ đồng ý đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. HĐXX xét thấy, việc chị Ph đưa ra căn cứ xác định mỗi tháng chi phí nuôi con hết 10.500.000 đồng và chị chia đôi yêu cầu anh Th đóng góp một nửa số tiền chi phí nuôi con, song chị Ph không cung cấp cho Tòa án được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu trên. Khoản chi phí chị Ph nêu ra cũng

là quá cao so với thu nhập thực tế hiện nay của chị và anh Th, cao hơn rất nhiều so với mức chi phí bình quân cho trẻ đồng lứa tuổi với cháu Lương Thị Thùy A tại địa Ph nơi chị Ph, anh Th cư trú hiện nay. Xét thu nhập bình quân hàng tháng của anh Th năm 2022, tại bảng sao kê giao dịch chi tiết tại tài khoản do anh Th cung cấp cho Tòa án cho thấy, thu nhập tháng 1 năm 2022 của anh Th là 9.868.301 đồng; tháng 2 năm 2022 là 12.635.752 đồng; tháng 3 năm 2022 là 10.882.781 đồng, như vậy mức thu nhập trung bình 3 tháng gần nhất hiện nay của anh Th khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay anh Th còn là người giám hộ, trực tiếp nuôi người cháu là trẻ mồ côi, còn phải chăm sóc, nuôi mẹ trên 60 tuổi. Căn cứ mức chi phí chăm nuôi trẻ em hiện nay do địa phương cung cấp thì mức chi trung bình mỗi trẻ tại địa phương khoảng 3 triệu đồng/tháng, HĐXX xét ý kiến của anh Th, thu nhập và chi phí thực tế của anh Th hiện nay, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa quyết định áp dụng mức cấp dưỡng anh Th phải đóng góp nuôi cháu Lương Thị Thùy A là 2.500.000đ đồng/tháng. Thời gian đóng góp, tính từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi cháu Thùy A đủ 18 tuổi.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 227; điều 271; điều 273 khoản 2 điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lương Văn Th và chị Dương Thị Ph.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận, chị Dương Thị Ph có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lương Thị Thùy A, sinh ngày 09/01/2021.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung : Anh Lương Văn Th phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo mức 2.500.000 đồng/tháng, thời gian đóng góp tính từ tháng 7 năm 2022 đến khi con đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Anh Lương Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tiền án phí anh Th phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu

số 0001382 ngày 22/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Anh Th còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Phần quyết định về cấp dưỡng của Tòa án sơ thẩm được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357; khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bắc Giang;
- TAND, VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS TP Bắc Giang;
- UBNDc xã TM, TP Bắc Giang
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng